ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41 /BC-UBND	*Lạng Sơn, ngày 24 tháng 01 năm 2026*

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, năm 2025

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thực hiện Công văn số 277/BNNMT-MT ngày 10/01/2026; Công văn số 374/BNNMT-MT ngày 13/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2025 trên địa bàn như sau:

I. HIỆN TRẠNG, DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường không khí

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí cả đợt 1 và đợt 2 năm 2025 tại 40 điểm trên địa bàn 65 xã/phường của tỉnh Lạng Sơn cho thấy: Hầu hết các thông số được phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Ngoại trừ một số điểm có thông số Tiếng ồn, Bụi lơ lửng và Bụi PM_{10} vượt giới hạn cho phép tập trung ở các điểm của khu vực đô thị, khu vực chợ, nút giao thông. Các thông số có sự biến động không lớn so với năm 2024.

2. Môi trường nước mặt

Kết quả quan trắc nước mặt năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cho thấy phần lớn các thông số chất lượng nước như: pH, DO, NO_3^-, PO_4^{3-}, Coliform vẫn duy trì mức A, mức B và trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT, không có dấu hiệu ô nhiễm nghiêm trọng trên diện rộng. Tuy nhiên, ô nhiễm chủ yếu tập trung ở các thông số hữu cơ và chất rắn lơ lửng, bao gồm COD, BOD, NH_4^+ và TSS. Trong đó:

COD và BOD là các thông số phản ánh ô nhiễm hữu cơ rõ nét nhất, khi xuất hiện một số điểm đạt mức C–D, đặc biệt tại các đoạn sông, suối chảy qua khu vực đô thị, khu dân cư và vùng chịu ảnh hưởng của hoạt động sản xuất. Mức độ ô nhiễm này thể hiện rõ hơn trong đợt 1 năm 2025 và có xu hướng giảm ở đợt 2.

Amoni (NH_4^+) vẫn còn vượt quy chuẩn tại một số điểm do ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt và hoạt động nông nghiệp. Cụ thể các điểm vượt là NM01 (sông Kỳ Cùng tại cầu Ngầm) với giá trị ghi nhận là 0,395 mg/l trong đợt 1 năm 2025, sang tới đợt 2 đã giảm xuống 0,225 mg/l ở mức ổn định; NM02 (suối Lao Ly tại cầu phố Muối, phường Tam Thanh) với giá trị là 0,434 mg/l (đợt 1) và 1,43 mg/l (đợt 2); NM05 (sông Kỳ Cùng tại cầu Mai Pha) với giá trị là 0,373 mg/l (đợt 1) và 0,337 mg/l (đợt 2); NM07 (suối Nà Mưng tại cầu Nà Mưng,

phường Kỳ Lừa) với giá trị là 1,48 mg/l (đợt 1) và 0,753 mg/l (đợt 2); NM09 (suối Pá Phiêng tại cầu Pá Phiêng, xã Đồng Đăng) với giá trị là 1,12 mg/l (đợt 1) và 0,594 mg/l (đợt 2).

Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) có xu hướng gia tăng tại nhiều điểm sông, suối so với năm 2024, phản ánh tác động của sự rửa trôi bề mặt và biến động thủy văn, trong khi tại các hồ lớn, hàm lượng TSS trung bình nhìn chung giảm.

3. Chất lượng nước dưới đất

Chất lượng nước dưới đất đối với các thông số pH, TDS, NH_4^+, NO_3^-, Cu, Fe, As đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất. Tuy nhiên đối với thông số Mn ghi nhận 01 điểm NN21 (hộ gia đình, cá nhân khu ga Bắc Lệ, xã Tân Thành) có kết quả vượt ngưỡng cho phép của quy chuẩn 1,08 lần trong đợt 1 năm 2025 với giá trị là 0,54 mg/l, sang tới đợt 2 năm 2025 giá trị này đã giảm xuống mức không phát hiện. Lý giải có thể do biến động mực nước ngầm, điều kiện oxy-khử theo mùa hoặc xáo trộn trong quá trình khai thác nước tại thời điểm lấy mẫu. Khi điều kiện thủy địa hóa ổn định trở lại, hàm lượng Mn giảm và trở về mức phù hợp với quy chuẩn. So với năm 2024 có thể thấy các giá trị không có biến động nhiều. Chất lượng nước vẫn ở mức ổn định.

4. Môi trường đất

Hàm lượng As trong đất dao động từ 0,3 - 24,3mg/kg và đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn hiện hành. Trung bình cả năm 2025 đạt 9,57 mg/kg. Mẫu Đ20 - Mẫu đất canh tác xã Tân Văn trong đợt 1 năm 2025 có hàm lượng As khá cao gần chạm ngưỡng giới hạn cho phép (Đ20=24,3 mg/kg). Nhìn chung so với năm 2024 chất lượng đất năm 2025 có xu hướng cải thiện theo chiều hướng tốt hơn.

Hàm lượng Pb trong đất tại 26 điểm quan trắc có giá trị thấp hơn rất nhiều so với ngưỡng cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT. Kết quả dao động trong khoảng từ 0,3 mg/kg đến 41 mg/kg. So với năm 2024, môi trường đất đã được cải thiện rõ rệt hàm lượng Pb trong đất đã giảm mạnh, đặc biệt tại vị trí Đất canh tác xã Chi Lăng (Đ14) từ 207 mg/kg (đợt 2/2024) xuống còn 27,6 mg.kg (đợt 2/2025).

Hàm lượng Zn trong đất dao động từ 6,6 đến 575 mg/kg. Ghi nhận 01 vị trí vượt quy chuẩn 1,92 lần là Đ16 (Đất canh tác khu vực Ba Nàng, xã Cai Kinh) với giá trị 575 mg/kg (ghi nhận tại đợt 2 năm 2025). Ngoài ra còn có 1 số vị trí gần chạm ngưỡng cho phép là Đ14 (Đất canh tác xã Chi Lăng) với giá trị 288 mg/kg (ghi nhận tại đợt 1 năm 2025) sang tới đợt 2 đã giảm xuống 42,4 mg/kg và Đ13 (Đất trồng Na xã Chi Lăng) với giá trị 197 mg/kg (ghi nhận tại đợt 2 năm 2025). Nhìn chung so sánh với năm 2024 có thể thấy hàm lượng Zn trong đất năm 2025 có xu hướng tăng.

5. Môi trường trầm tích (nước ngọt)

Kết quả phân tích các thông số về kim loại nặng Pb, Zn tại 20/20 điểm của các mẫu trầm tích sông, hồ, suối trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cho thấy đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về chất lượng trầm tích. Tuy nhiên thông số Asen (As) ghi nhận có 03/20 điểm vượt ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT. Các điểm có hàm lượng As vượt đều ghi nhận trong quan trắc đợt 2 của năm 2025. Cụ thể:

- TT8 (Trầm tích hồ Nà Cáy xã Na Dương) có hàm lượng ô nhiễm As cao nhất 20mg/kg (vượt 1,17 lần).

- TT10 (Trầm tích sông Kỳ Cùng tại Phiêng Quăn, xã Lộc Bình) có hàm lượng ô nhiễm As với 17,3mg/kg (vượt 1,01 lần).

- TT13 (Trầm tích sông Kỳ Cùng tại cầu Khánh Khê, xã Khánh Khê) có hàm lượng ô nhiễm As cao thứ 2 với 18,8mg/kg (vượt 1,10 lần).

So với năm 2024 các thông số trong môi trường trầm tích (nước ngọt) năm 2025 có sự biến động không đồng đều. Hàm lượng Zn tại hầu hết các điểm được quan trắc có xu hướng tăng nhẹ. Tuy nhiên hàm lượng Pb và As lại có xu hướng giảm. Năm 2024 ghi nhận 09/20 điểm có hàm lượng As vượt giới hạn cho phép của Quy chuẩn. Sang tới năm 2025 số lương đã giảm xuống chỉ còn 03/20 điểm. Như vậy chất lượng trầm tích đã được cải thiện đáng kể.

4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Báo cáo về sự tăng/giảm số lượng và diện tích các khu di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng, cơ sở bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học:

Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 01 công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn với tổng diện tích khoảng 484.258 ha, và 03 khu bảo tồn thiên nhiên (khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên, có diện tích tự nhiên 8.293,4 ha; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn có diện tích tự nhiên 3.882,54 ha; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn có diện tích tự nhiên 936,75 ha). Trong năm 2025, không có sự tăng, giảm số lượng và diện tích của các khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu dự trữ thiên nhiên. Toàn tỉnh có 31 di tích danh lam thắng cảnh được công nhận theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; trong đó có 10 di tích được xếp hạng các cấp *(gồm 03 di tích cấp quốc gia, 07 di tích cấp tỉnh)* và 21 di tích đã được kiểm kê, chưa xếp hạng.

b) Sự tăng/giảm danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và danh lục đỏ của IUCN; tăng/giảm các nguồn gen quý hiếm trên địa bàn trong năm đánh giá:

Trong năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) đã triển khai thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng danh mục thành phần loài động, thực vật rừng quý hiếm trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ phân bố một số loài quan trọng, có giá trị cao bảo tồn nguồn gen"; kết quả thực hiện nhiệm vụ: Ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 421 loài động vật có xương sống trên cạn, 1.314 loài thực vật bậc cao có mạch; trong đó có 23 loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, 03 loài đặc hữu, 71 loài thực vật và 62 loài động vật trên địa bàn tỉnh theo Sách đỏ Việt Nam và danh lục đỏ của IUCN.

II. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2025 ước đạt 8,06%[1], hoàn thành chỉ tiêu Chính phủ giao (xếp thứ 18/34 tỉnh, thành phố trong cả nước và xếp thứ 03/09 tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, nông lâm nghiệp chiếm 20,28%, công nghiệp - xây dựng 28,33%, dịch vụ 47,24%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,16%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 71 triệu đồng.

Sản xuất nông, lâm nghiệp tuy chịu ảnh hưởng của thiên tai nhưng cơ bản phát triển ổn định. Công tác trồng rừng đạt kết quả tích cực, trồng được 10.500 ha, đạt 116,7% kế hoạch; tỷ lệ che phủ rừng đạt 64,3%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của tất cả các loại hình qua địa bàn tỉnh đạt 95,31 tỷ USD, tăng 43% so với cùng kỳ (trong đó kim ngạch xuất khẩu 31,24 tỷ USD, tăng 42,4%; nhập khẩu 64,07 tỷ USD, tăng 43,3%). Tính riêng kim ngạch xuất nhập khẩu mở tờ khai tại Hải quan Lạng Sơn đạt 7,5 tỷ USD, đạt 120,1% kế hoạch, tăng 32,8% so với cùng kỳ, trong đó kim ngạch xuất khẩu 2,61 tỷ USD, đạt 87,1% kế hoạch, tăng 9,92%; nhập khẩu 4,89 tỷ USD, đạt 150,5% kế hoạch, tăng 49,4%. Kim ngạch hàng địa phương xuất khẩu 183 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 8,28% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 6,15% so với cùng kỳ. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) tăng 2,97% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 43.368 tỷ đồng, đạt 100,5% kế hoạch, tăng 15,96%. Hoạt động vận tải, kho bãi đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa của người dân, doanh thu vận tải đạt 2.860 tỷ đồng, tăng 12,93%; dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục được cải thiện, chất lượng được nâng cao đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp[2]. Tổng nguồn vốn huy động tại các ngân hàng đạt 57.310 tỷ đồng, tăng 14,8%; tổng dư nợ tín dụng đạt 50.127 tỷ đồng, tăng 10%.

Du lịch tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt; đã tổ chức Lễ đón nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; công bố giải thưởng Làng du lịch tốt nhất thế giới năm 2025 của Tổ chức du lịch Liên hợp quốc đối với Làng du lịch cộng đồng Quỳnh Sơn. Thu hút được 4,44 triệu lượt khách du lịch, đạt 100,9% kế hoạch, tăng 5,3% so với cùng kỳ[3]; tổng doanh thu từ khách du lịch 4.500 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 3,47% so với cùng kỳ.

Các dự án đầu tư xây dựng thường xuyên được kiểm tra, đôn đốc, nhất là các dự án giao thông trọng điểm, đến nay cơ bản các dự án đảm bảo tiến độ đề

---

[1] Trong đó: nông lâm nghiệp tăng 5,07%, công nghiệp - xây dựng tăng 12,75%, dịch vụ tăng 7,11%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,46% (theo dự ước của Cục Thống kê tại Công văn số 2721/CTK-TKQG ngày 01/12/2025).

[2] Doanh thu bưu chính ước đạt 260 tỷ đồng tăng 23,81% so với cùng kỳ; Doanh thu viễn thông ước đạt 996 tỷ đồng tăng 2,68% so với cùng kỳ.

[3] Trong đó: Khách quốc tế ước đạt 305 nghìn lượt khách, tăng 114% đạt 101,6% kế hoạch. Khách trong nước đạt 4.135 nghìn lượt khách, tăng 1,52% so với cùng kỳ, đạt 100,8% kế hoạch..

ra[4]. Đã tổ chức khởi công nhiều dự án quan trọng tạo động lực phát triển trong thời gian tới như: Dự án Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn; 03 dự án cơ sở hạ tầng theo Đề án thí điểm cửa khẩu thông minh, cụm công nghiệp Hòa Sơn 1,... Triển khai thực hiện Đề án xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030[5]; xây dựng đường giao thông nông thôn đạt trên 100km. Hạ tầng viễn thông cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu hiện tại và có khả năng nâng cấp phục vụ các dịch vụ mới.

Triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy giải ngân kế hoạch đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia. Hằng tháng, quý thực hiện rà soát tiến độ giải ngân thanh toán của từng chủ đầu tư, nguồn vốn, yêu cầu các chủ đầu tư, các địa phương tập trung thực hiện để đạt tiến độ giải ngân đã cam kết. Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 là 6.795,8 tỷ đồng, đạt 107,6% kế hoạch Trung ương giao, đạt 87,8% kế hoạch địa phương triển khai[6]. Vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân 726 tỷ đồng, đạt 85,1% kế hoạch.

Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn được thực hiện tốt. Đã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch để triển khai kịp thời các dự án bảo đảm không ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư xây dựng, giải ngân vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hiện tại đang tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Công tác thu ngân sách được thực hiện quyết liệt, năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn 18.063,8 tỷ đồng, đạt 168,2% dự toán, tăng 60,1% so với cùng kỳ, trong đó: Thu nội địa 4.000 tỷ đồng, đạt 109,2% dự toán, tăng 30,2% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 13.300 tỷ đồng, đạt 206,2% dự toán, tăng 73,8% so với cùng kỳ; thu các khoản huy động, đóng góp 709 tỷ đồng. Chi ngân sách năm 2025 là 22.463,8 tỷ đồng, đạt 115,6% dự toán, tăng 5,4% so với cùng kỳ, trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương 15.193 tỷ đồng, đạt 104,9% dự toán, tăng 5,9% so với cùng kỳ; chi các chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ khác 5.065,9 tỷ đồng, đạt 110,6% dự toán.

Số lượng doanh nghiệp tái gia nhập thị trường tăng, doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường giảm[7]; dự ước toàn tỉnh đăng ký thành lập mới 900 doanh nghiệp, đạt 128,6% kế hoạch, giảm 23,6% so với cùng kỳ, tổng vốn đăng ký 6.800 tỷ đồng, giảm 33%; luỹ kế toàn tỉnh có 6.000 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 70.600 tỷ đồng, có 855 chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký hoạt

---

[4] Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng cơ bản hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, ước giá trị thực hiện đạt 79% giá trị hợp đồng EC; Dự án Tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) giai đoạn 1 đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, ước giá trị sản lượng thực hiện đạt 70% khối lượng dự án; Dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B dự kiến hoàn thành thi công trong năm 2025.

[5] Đến nay, đối với danh mục cầu năm 2024 đã có 06/10 cầu được xây dựng hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Đối với danh mục cầu năm 2025 đã thực hiện thẩm định, phê duyệt 06/10 cầu.

[6] Trong đó: Vốn đầu tư thuộc kế hoạch HĐND tỉnh giao: 6.339 tỷ đồng, đạt 100,4% kế hoạch Trung ương giao, đạt 87% kế hoạch địa phương triển khai; Vốn khác bổ sung cho đầu tư phát sinh trong năm (tăng thu, tiết kiệm chi...): 456,8 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch địa phương triển khai.

[7] Có 355 doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng 78% so với cùng kỳ; 476 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động giảm 19% so với cùng kỳ; 187 doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, giảm 10% so với cùng kỳ; 149 doanh nghiệp đã hoàn thành giải thể, tăng 9% so với cùng kỳ.

động. Thành lập mới có 55 hợp tác xã, đạt 100% kế hoạch, tổng vốn đăng ký 75 tỷ đồng; luỹ kế có 583 hợp tác xã, tổng vốn đăng ký 1.182 tỷ đồng.

2. Các tác động chính đến môi trường

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội thu hút đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tuy nhiên vẫn đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng gia tăng, vấn đề xử lý chất thải phát sinh còn gặp nhiều khó khăn. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện nay chủ yếu là chôn lấp và đốt; trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị có chức năng hoạt động dịch vụ về xử lý chất thải nguy hại.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

- Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 02 Khu công nghiệp (KCN) đã được thành lập, gồm:

+ Khu Công nghiệp Đồng Bành: quy mô 162,13 ha, trong đó đất nhà máy, kho tàng là 110,97 ha, đất cây xanh là 16,26 ha; đã có 03 dự án đầu tư với tổng quy mô 32,59 ha (29,4 %).

+ Khu Công nghiệp VSIP Lạng Sơn: quy mô 599,97 ha, trong đó đất nhà máy, kho tàng là 427,95 ha, đất cây xanh là 67,6 ha; giai đoạn 1 với quy mô sử dụng đất khoảng 200ha; đang trong quá trình triển khai thực hiện dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, chưa đi vào hoạt động.

- Hiện tại tỉnh đã có 12 Cụm công nghiệp (CCN) được thành lập, tuy nhiên hiện chỉ có 01 CCN đi vào hoạt động, còn lại 11 CCN mới được thành lập, đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư để xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

+ CCN Địa phương số 2, huyện Cao Lộc: được thành lập tại Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh, diện tích 8,5 ha, đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy 100%. Hiện CCN này chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên các cơ sở trong cụm công nghiệp đều đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

+ CCN Hợp Thành 1 và Hợp Thành 2 tại phường Kỳ Lừa được thành lập tại các Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 05/3/2021, diện tích 23,8 ha và số 1148/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh, diện tích 25,47 ha

+ CCN Bắc Sơn 2 tại Vũ Lễ được thành lập tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh, diện tích 25 ha.

+ CCN Đình Lập tại xã Đình Lập được thành lập tại Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh, với diện tích 71,39 ha.

+ CCN Hồ Sơn 1 tại xã Hữu Lũng và xã Cai Kinh được thành lập tại Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh, với diện tích 73,76 ha.

+ CCN Hoà Sơn 1 tại xã Tân Thành được thành lập tại Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh, với diện tích 74,9 ha.

+ CCN Na Dương 1 tại xã Na Dương được thành lập tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 11/02/2024 của UBND tỉnh, với diện tích 20ha.

+ CCN Na Dương 2 tại xã Na Dương được thành lập tại Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh, với diện tích 45,67ha.

+ CCN Na Dương 3 tại xã Na Dương được thành lập tại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh, với diện tích 50ha.

+ CCN Minh Sơn tại xã Tuấn Sơn được thành lập tại Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 11/10/2025 của UBND tỉnh, với diện tích 55ha.

+ CCN Tân Văn tại xã Tân Văn được thành lập tại Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh, với diện tích 30ha.

- Qua rà soát, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 40 nghề với hơn 984 hộ sản xuất có khả năng hình thành các làng nghề thuộc 03/7 nhóm ngành nghề: nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản 19 nghề; nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ 17 nghề và nhóm các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn 04 nghề. Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống được công nhận theo quy định.

- Trên địa bàn tỉnh, có 01 đô thị loại II; 01 đô thị loại IV và 13 đô thị loại V. Nhìn chung chất lượng môi trường tại các đô thị chưa chịu tác động nhiều từ các hoạt động như giao thông vận tải, xây dựng,... Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý ở địa bàn là 29,3%; các đô thị còn lại chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Trên địa bàn tỉnh có 05 cơ sở đã thực hiện quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải theo quy định, gồm: Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành; Công ty Nhiệt điện Na Dương; Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV; Công ty TNHH Huy Hoàng; Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn.

2. Quản lý chất thải và phế liệu

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

- Phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH:

+ Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn 182.181,00 tấn/năm (tương đương với 499,13 tấn/ngày), trong đó: Tổng khối lượng CTRSH đô thị phát sinh 53.820,12 tấn/năm (tương đương với 147,45 tấn/ngày); tổng khối lượng CTRSH nông thôn phát sinh 128.360,88 tấn/năm (tương đương với 351,67 tấn/ngày).

+ Tổng khối lượng CTRSH được thu gom xử lý 136.965,94 tấn/năm (tương đương 375,25 tấn/ngày), trong đó: Khối lượng CTRSH đô thị được thu gom, xử lý 53.451,92 tấn/năm (tương đương với 146,44 tấn/ngày), tỷ lệ CTRH đô thị được thu gom, xử lý đạt 99,3%. Khối lượng CTRSH nông thôn được thu gom, xử lý 83.514,02 tấn/năm (tương đương với 228,8 tấn/ngày), tỷ lệ CTRSH nông thôn được thu gom, xử lý đạt 65,06%.

- *Hiện trạng hạ tầng xử lý CTRSH:*

+ Tổng số cơ sở xử lý CTRSH: trên địa bàn tỉnh có 06 cơ sở làm dịch vụ xử lý CTRSH gồm: Công ty TNHH Huy Hoàng, Công ty TNHH MTV Môi trường và dịch vụ thương mại Phúc Lộc, Công ty CP Thương mại dịch vụ Tân Minh, Công ty TNHH MTV Áo Xanh, Công ty TNHH Thành Linh, Hợp tác xã Tiến Đạt.

+ Trên địa bàn tỉnh có 05 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, trong đó: Công ty TNHH Huy Hoàng vận hành bãi rác Tân Lang; Công ty TNHH MTV Môi trường và dịch vụ thương mại Phúc Lộc vận hành bãi rác Lân Tắng; Công ty CP Thương mại dịch vụ Tân Minh vận hành bãi rác Văn Quan; Công ty TNHH MTV Áo Xanh vận hành bãi rác Đình Lập; Hợp tác xã Tiến Đạt vận hành bãi rác Lộc Bình. Trong năm 2025, không có bãi chôn lấp dừng hoạt động, đóng cửa.

+ Trên địa bàn tỉnh có 03 cơ sở xử lý CTRSH bằng lò đốt, trong đó: Công ty CP Thương mại dịch vụ Tân Minh vận hành lò đốt Văn Quan; Công ty TNHH MTV Áo Xanh vận hành lò đốt Đình Lập; Công ty TNHH Thành Linh vận hành lò đốt Thành Linh.

+ Trạm trung chuyển CTRSH: trên địa bàn tỉnh có 12 trạm trung chuyển CTRSH.

- *Phương pháp xử lý CTRSH:* chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được xử lý chủ yếu bằng phương pháp đốt và chôn lấp. Tổng khối lượng CTRSH được thu gom xử lý 136.965,94 tấn/năm, trong đó: Xử lý bằng phương pháp chôn lấp tại các bãi chôn lấp 104.879,52 tấn/năm (chiếm 76,57%); xử lý bằng phương pháp đốt tại các lò đốt 13.655,77tấn/năm (chiếm 9,97%); tự thu gom, xử lý 18,430,65 tấn/năm (chiếm 13,46%).

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT): tổng khối lượng CTRCNTT phát sinh trên địa bàn là 10.095.212,298 tấn/năm. Tổng khối lượng CTRCNTT được thu xử lý 10.095.212,298 tấn/năm[8]. CTRCNTT phát sinh chủ yếu là đất đá thải trong quá trình thi công xây dựng được tận dụng làm san lấp mặt bằng tại chỗ; đất đá thải mỏ được đổ thải tại bãi thải,...Trên địa bàn tỉnh chưa có khu xử lý CTRCNTT.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- *Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn:* tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh 306,588 tấn/năm[9], tổng khối lượng xử lý 290,298 tấn/năm, tỷ lệ CTNH được xử lý 94,69%, phần còn lại chưa xử lý được các cơ sở lưu giữ theo quy định.

- *Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn:* tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh 121,635 tấn/năm. Tổng khối lượng được xử lý là 121,635 tấn/năm (đạt 100%). Chất thải y tế nguy hại được xử lý bằng mô hình cụm và thuê đơn vị có chức năng để xử lý.

---

[8] Số liệu tổng hợp báo cáo môi trường năm 2025 của các doanh nghiệp tính đến ngày 20/01/2026

[9] Số liệu tổng hợp báo cáo của Sở Y tế; báo cáo công tác BVMT 2025 của các doanh nghiệp tính đến ngày 20/01/2026.

- *Các cơ sở xử lý CTNH:* trên địa bàn tỉnh không có cơ sở có chức năng làm dịch vụ xử lý CTNH, các đơn vị phát sinh CTNH phải thuê đơn vị có chức năng ngoài tỉnh để thu gom, vận chuyển, xử lý. Một số chất thải y tế nguy hại được xử lý theo mô hình cụm.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: năm 2025, trên địa bàn tỉnh không phát sinh việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

- *Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước:* Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng lắp đặt và thực hiện quản lý, vận hành 01 Trạm quan trắc môi trường nước tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn *(nay là phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn)*. Các cơ sở thuộc đối tượng thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải đã lắp đặt 04 trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát, gồm: 01 trạm của Công ty nhiệt điện Na Dương; 01 trạm của Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV; 01 trạm của Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn; 01 trạm của Công ty TNHH Huy Hoàng. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như: Quyết định Phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; Quyết định phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao không được san; Quyết định phê duyệt danh mục đập, hồ chứa nước; Quyết định phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh; Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện dự án Kiểm kê tài nguyên nước; chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường;...

- *Quản lý, cải thiện chất lượng không khí:* Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng lắp đặt và thực hiện quản lý, vận hành 03 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục, gồm: (1) Trạm môi trường không khí tại xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc cũ *(nay thuộc xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn)*; (2) Trạm môi trường không khí tại xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng cũ *(nay thuộc xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)* và (3) Trạm quan trắc môi trường không khí tại thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng cũ *(nay thuộc xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)*; các cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải đã lắp đặt 06 trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát gồm: 02 trạm của Công ty nhiệt điện Na Dương và 04 trạm của Công ty cổ phần xi măng Đồng Bành. Xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực thành phố Lạng Sơn cũ và trên địa bàn huyện Đình Lập cũ. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý, cải thiện chất lượng môi trường không khí như: Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan trong giao thông vận tải; Quyết định ban hành quy định về phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động thí điểm sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ chạy bằng năng lượng điện và xăng sinh học để vận chuyển khách du lịch trong phạm vi hạn chế tại các điểm du

lịch; chỉ đạo tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải; chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; chỉ đạo tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;.....

- *Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất*: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt kết quả dự án tổng điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu. Tỉnh Lạng Sơn đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường đất phải xử lý ô nhiễm.

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường: Năm 2025, có 37 đơn vị ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền 6.662,5 triệu đồng.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; Kế hoạch Ứng phó sự cố chất thải, giai đoạn 2024 - 2030; ban hành các văn bản đôn đốc các cơ sở, UBND các cấp ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, chất thải cấp cơ sở. Các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ đã triển khai các biện pháp, giải pháp trong xử lý chất thải nhằm thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Trong năm không có sự cố môi trường lớn xảy ra.

5. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

a) Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

Trong thời gian qua, tỉnh Lạng Sơn đã tập trung triển khai các nội dung quy hoạch đa dạng sinh học theo định hướng của Trung ương, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Các hoạt động triển khai tại địa phương tập trung cụ thể hóa Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 223-NQ/TU ngày 30/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Chú trọng phát huy vai trò của Công viên địa chất như mô hình bảo tồn gắn với phát triển bền vững, khai thác hợp lý các giá trị địa chất, sinh thái và văn hóa, gắn bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển du lịch sinh thái và sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương.

Theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 07/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Lạng Sơn định hướng quy hoạch chuyển tiếp 01 khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên (quy mô diện tích quy hoạch 8.293,40 ha) và 02 khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn (quy mô diện tích quy hoạch 3.882,50 ha), Bắc Sơn (quy mô diện tích quy hoạch 936,75 ha), hình

thành 01 cảnh quan sinh thái quan trọng (Cảnh quan sinh thái quan trọng các–tơ Hữu Liên - Chi Lăng với quy mô diện tích khoảng 100.000 ha). Năm 2025, các Khu dự trữ thiên nhiên và bảo tồn loài - sinh cảnh được giữ nguyên hiện trạng theo định hướng quy hoạch.

b) Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Năm 2025, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn, các di tích danh lam thắng cảnh, các khu dự trữ thiên nhiên và bảo tồn loài – sinh cảnh trên địa bàn tỉnh được giữ nguyên hiện trạng so với định hướng quy hoạch.

c) Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm:

Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm phân bố và xuất hiện chủ yếu tại các khu rừng tự nhiên đặc dụng. Ban Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ đã xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đối với khu vực rừng được giao quản lý, bảo vệ; triển khai kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên trong các khu rừng đặc dụng nhằm chấm dứt các hoạt động xâm hại đến các hệ sinh thái rừng, nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát triển các quần thể động thực vật nguy cấp, quý, hiếm; triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội kết hợp bảo tồn phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng. Lực lượng Kiểm lâm phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền UBND cấp xã thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, khoanh vùng bảo vệ các khu vực, đối tượng trọng điểm có nguy cơ cao về hành vi xâm hại tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học nói chung, động vật hoang dã nói riêng nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm[10]; phối hợp Công an tỉnh tổ chức đợt cao điểm tuyên truyền, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ các loài động vật hoang dã, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản theo Kế hoạch số 628/KH-BCA-BNN&MT ngày 17/10/2025 của Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường[11].

Các chương trình, dự án bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm đã triển khai thực hiện trong năm 2025: Nhiệm vụ "Xây dựng danh mục thành phần các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ phân bố một số loài quan trọng có giá trị cao bảo tồn nguồn gen"; nhiệm vụ "Thu thập mẫu vật động vật, thực vật rừng năm 2025" tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên để bảo tồn, nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường; Dự án điều tra thành phần loài và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng người Dao khu vực rừng đặc dụng Mẫu Sơn và đề xuất biện pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên cây thuốc; nhiệm vụ bảo tồn và phát triển cây Hoàng đàn hữu liên.

d) Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học:

---

[10] Tổ chức 1.314 cuộc kiểm tra, tuần rừng; phát hiện, lập hồ sơ xử lý 128 vụ (*giảm 5,19% so với năm 2024*); trong đó xử lý hành chính 121 vụ**,** xử lý hình sự 11 vụ**,** đang tiếp tục xác minh 02 vụ do chưa xác định được đối tượng vi phạm. Tịch thu 123,344 m³ gỗ tròn**,** 41,231 ster củi**,** 1.604 cá thể và 3,2 kg động vật rừng cùng nhiều công cụ, phương tiện liên quan; thu nộp ngân sách Nhà trên 1,2 tỷ đồng.

[11] Tuyên truyền 12 cuộc với 323 người tham dự; Tổ chức 11 cuộc kiểm tra, kiểm soát, 66 cuộc tuần rừng; phát hiện, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính: 08 vụ; tịch thu: 1.160 cá thể động vật hoang dã thông thường, thu nộp ngân sách: 67,5 triệu đồng; không phát hiện hành vi xâm hại động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm.

Công tác quản lý nguồn gen và an toàn sinh học tại các khu rừng đặc dụng luôn được triển khai đồng bộ, góp phần bảo tồn hiệu quả hệ sinh thái núi đá vôi đặc thù của khu vực. Ban Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ thường xuyên thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; theo dõi diễn biến các quần thể loài nguy cấp, quý, hiếm như: Hoàng đàn hữu liên, Nghiến, Hươu xạ, Voọc đen má trắng, Sơn dương và một số loài lưỡng cư, bò sát đặc hữu. Công tác bảo tồn tại chỗ được tăng cường thông qua công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ nguyên trạng diện tích có rừng của các khu rừng đặc dụng, thực hiện khoanh nuôi, phục hồi sinh cảnh và kiểm soát chặt chẽ hoạt động xâm nhập, khai thác lâm sản trái phép. Bên cạnh đó, Ban Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ cũng thực hiện bảo tồn chuyển chỗ đối với loài Hoàng đàn hữu liên. Về an toàn sinh học, Ban Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ đã tổ chức kiểm soát hoạt động nghiên cứu, du lịch sinh thái; kiểm soát nguy cơ phát tán loài ngoại lai xâm hại và duy trì các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng hiệu quả. Nhờ đó, chất lượng rừng, nguồn gen và cấu trúc hệ sinh thái được bảo vệ ổn định; nguy cơ suy thoái nguồn gen, xâm lấn sinh học và vi phạm pháp luật về đa dạng sinh học được hạn chế đáng kể.

Tập trung nghiên cứu tuyển chọn các giống cây lương thực, cây ăn quả ưu tú, cây đầu dòng phục vụ công tác nhân giống, phục tráng, hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc theo hướng thâm canh đối với các giống cây đặc sản của địa phương như: lúa Bao thai hồng, lúa nếp thơm Tô Hiệu, khoai lang Lộc Bình, lạc đỏ Bắc Sơn, chè dưới tán hồi Bình Gia. Các giống cây ăn quả: Mận cơm, quýt Bắc Sơn, quýt Tràng Định, hồng vành khuyên Văn Lãng, giống Cam thổng Văn Quan, Lê Tràng Định, thạch đen, ớt... các đề tài đã tuyển chọn, nhân giống cây trồng có chất lượng tốt phục vụ sản xuất. Bảo tồn và phát triển được các giống cây lâm nghiệp có giá trị tại địa phương như: Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây Chanh rừng; phục tráng và chọn giống Sở phù hợp với điều kiện lập địa tại Lạng Sơn; Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây đào cảnh (đào phai cánh kép, đào chuông), hạt dẻ Lạng Sơn, Chọn giống quế có năng suất, chất lượng cao phục vụ trồng rừng; nhân giống và trồng Mắc ca theo hướng thâm canh, bảo tồn phát triển cây chè Shan Mẫu Sơn, ... Qua đó xác định phương pháp bảo tồn, khai thác sử dụng hiệu quả bền vững và phát triển nguồn gen cây lâm nghiệp. Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ nhân giống, trồng và phát triển các loài cây có giá trị kinh tế cao như: Cây Sa nhân tím, Nấm Linh chi, Bảo tồn nguồn gen một số loài dược liệu dưới tán rừng theo hướng GACP như cây Khủng Khéng, cây Bách bộ, thiên niên kiện, Hồi đầu thảo,...Nghiên cứu chọn lọc, xây dựng mô hình đàn hạt nhân, đàn sinh sản, mô hình nuôi thử nghiệm và mô hình nuôi thương phẩm phục vụ cho công tác nhân giống, bảo tồn và phát triển nguồn gen quý bản địa, quy trình kỹ thuật chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đối với các vật nuôi đặc sản, có thế mạnh của địa phương như: Gà 6 ngón Mẫu Sơn, gà Vạn Linh Chi Lăng, cá rô mo (cá mó), cá Bỗng (Pe Chiết), vịt cổ xanh, ngựa Bạch Hữu Kiên... các kết quả nghiên cứu bước đầu được chuyển giao cho các hộ nông dân áp dụng vào thực tiễn cuộc sống, phát triển chăn nuôi.

đ) Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên:

Năm 2025, tỉnh Lạng Sơn đã phát triển đồng bộ các nhiệm vụ phục hồi, bảo vệ và phát triển hệ sinh thái tự nhiên, đạt được nhiều kết quả tích cực: chú trọng bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên (tổng diện tích rừng tự nhiên năm 2025 là 219.148,69 ha); khoanh nuôi, tái sinh rừng trong các chương trình trồng rừng, khuyến khích thực hiện các biện pháp làm giàu rừng bằng cây bản địa và tăng cường các hoạt động phòng, chống cháy rừng, nâng cao năng lực ứng phó với cháy rừng ở các cấp[12]; nhiều khu vực rừng suy thoái đã được khoanh nuôi và phục hồi rõ rệt (Toàn tỉnh đã tổ chức trồng mới và phục hồi khoảng 10.973,71 ha rừng các loài, trong đó có khoảng 35.828 ha rừng tự nhiên được khoanh nuôi tái sinh), tỷ lệ che phủ rừng tăng (năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt 64,31% tăng 0,21% so với năm 2024). Sinh cảnh của một số loài động vật hoang dã được cải thiện, nhiều loài động vật quý hiếm đã được ghi nhận qua điều tra trực tiếp bằng bẫy ảnh (Hươu xạ, Cầy vòi mốc, mèo rừng, Gà lôi trắng, Thạch sùng mí hữu liên); không ghi nhận có hệ sinh thái tự nhiên bị thiệt hại do các loài ngoại lai xâm hại. Hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên được chú ý, gắn kết với việc phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn, gắn với phát triển du lịch sinh thái bền vững. Bên cạnh đó, công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ hệ sinh thái tiếp tục được quan tâm chú trọng.

IV. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG; TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Năm 2025, tỉnh tiếp tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, như: Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến; mức thu phí, lệ phí thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan đến sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số nội dung tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực môi trường.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, như: Công văn số 1218/VP-KTCN ngày 04/3/2025 về việc tiếp tục triển khai Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt; Công văn số 1694/UBND-KTCN ngày 06/8/2025 về việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường; Công văn số 1855/UBND-KTN ngày 22/8/2025 về việc triển khai hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và

[12] Ban hành phương án huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ chữa cháy rừng khi xảy ra cháy rừng, phương án PCCCR giai đoạn 2025-2030 các cấp; trang bị phương tiện thiết bị PCCCR, trực cháy rừng 24/24h,…

nông thôn; Công văn số 2440/UBND-KTCN ngày 31/10/2025 về việc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa và nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Công văn số 2507/UBND-KTCN ngày 06/11/2025 tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng, đảm bảo hiệu quả đầu tư hệ thống thoát nước; Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 04/6/2025 về việc thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải đến năm 2030; Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 ban hành lộ trình triển khai các giải pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, nguồn nước; Chỉ thị 12/CT-UBND ngày 13/12/2025 về việc tăng cường công tác vệ sinh môi trường; Công văn số 10241/VP-KTCN ngày 25/12/2025 về việc tăng cường quản lý công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng; Công văn số 10149/VP-KTCN ngày 23/12/2025 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường; ....

2. Giải quyết thủ tục hành chính

Công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư được thực hiện đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục theo quy định. Các hồ sơ nộp qua cơ quan hành chính công được thẩm định giải quyết đúng quy trình một cửa theo quy định của pháp luật. Trong năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 09 dự án, cấp 20 giấy phép môi trường cho các dự án, cơ sở *(trong đó 07 giấy phép môi trường cấp tỉnh; 13 giấy phép môi trường cấp huyện (cũ))*; cấp đổi 01 giấy phép môi trường; cấp lại 01 giấy phép môi trường.

3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

Công tác kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tỉnh quan tâm: năm 2025, tổ chức kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính 24 tổ chức và cá nhân, với số tiền phạt là 1.840.750.000 đồng.

4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Tổ chức 01 Hội nghị tập huấn về Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cho các đối tượng là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh với khoảng 110 người tham dự; 01 lớp tập huấn Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải cho đối tượng là Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp thuộc đối tượng thu phí với tổng số khoảng hơn 130 người tham dự; 01 lớp tập huấn về lĩnh vực môi trường cho cán bộ 65 xã phường theo vị trí việc làm; UBND các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan tham dự khóa tập huấn nghiệp vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức với khoảng 80 người tham dự. Các sở, ngành liên quan của tỉnh; UBND các xã, phường tham dự Hội nghị trực tuyến tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về phân quyền, phân cấp, phân định

thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường gắn với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức.

Báo và Phát thanh, truyền hình Lạng Sơn đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, chương trình phát thanh, truyền hình nhằm nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động, các doanh nghiệp và người dân về công tác bảo vệ môi trường. Năm 2025, đã thực hiện trên 500 tin, bài, phóng sự, ảnh… có nội dung tuyên truyền liên quan đến các hoạt động bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường đăng, phát trên báo in, báo điện tử, chương trình phát thanh và truyền hình.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường đến đông đảo cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Tổ chức Lễ phát động ra quân tổng vệ sinh môi trường phát động phong trào thi đua "Ngày Chủ nhật vì môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp"…Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào sinh hoạt chi bộ, chi đoàn, chi hội, các buổi tuyên truyền, tập huấn, tọa đàm, thông qua các mô hình, phong trào cụ thể như: "Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường", "Ngày Chủ nhật xanh", "Phụ nữ chung tay bảo vệ môi trường", "Thanh niên tình nguyện vì môi trường xanh – sạch – đẹp", "Sản xuất nông nghiệp sạch, thân thiện môi trường", "Nông dân sản xuất gắn với bảo vệ môi trường", "Cánh đồng không có bao bì thuốc bảo vệ thực vật", "Trường học xanh - nói không với túi nilon", "Chợ dân sinh không rác thải nhựa", "Đổi rác lấy quà"... Bên cạnh đó, công tác truyền thông được đẩy mạnh thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử, mạng xã hội Facebook Mặt trận Lạng Sơn, Mặt trận số Xứ Lạng với các hình thức trực quan, sinh động, góp phần lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường sâu rộng trong xã hội; thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội về bảo vệ môi trường. Kết quả, trong năm 2025, Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp đã tổ chức tuyên truyền lồng ghép được 8.110 cuộc với 421.660 lượt người tham gia.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai tuyên truyền, hưởng ứng các sự kiện thường niên về bảo vệ môi trường, như: Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, tháng hành động vì môi trường năm 2025; hưởng ứng Ngày Đất ngập nước Thế giới năm 2025; hưởng ứng Giờ Trái đất năm 2025; ... bằng các hoạt động cụ thể như: tổ chức chiến dịch ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải, rác thải; treo hàng trăm băng rôn, khẩu hiệu; phát hàng nghìn tờ rơi, tuyên truyền lưu động trên loa phóng thanh;.....

Việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai Luật Bảo vệ môi trường và tổ chức các hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong các cấp chính quyền, tổ chức, cá nhân; triển khai, thực hiện những biện pháp, hành động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

V. HỆ THỐNG QUAN TRẮC VÀ CẢNH BÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

Trên địa bàn tỉnh hiện đang vận hành sử dụng 04 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục, trong đó có: 03 Trạm quan trắc môi trường không khí gồm: Trạm môi trường không khí tại xã Đồng Đăng; Trạm môi trường không khí tại xã Hữu Lũng và Trạm quan trắc môi trường không khí tại xã Chi Lăng; 01 Trạm quan trắc môi trường nước tại phường Đông Kinh để theo dõi đánh giá chất lượng môi trường, kịp thời phát hiện các vấn đề môi trường. Kết nối tiếp nhận số liệu quan trắc tự động phát thải của 05 cơ sở truyền về gồm: 06 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục khí thải; 04 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục nước thải. Ngoài ra, có 01 trạm quan trắc nước thải tự động liên tục thuộc Công ty cổ phần chăn nuôi Rutech đã kết nối về trung tâm điều hành tuy nhiên, hiện nay chưa hoạt động nên chưa có số liệu truyền về máy chủ.

VI. ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn nhân lực

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được xây dựng hoàn thiện theo quy định, cấp tỉnh là Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý Môi trường và Khoáng sản với 11 biên chế có mặt). Cấp xã, công tác bảo vệ môi trường do phòng Kinh tế (đối với cấp xã); phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) bố trí 01 công chức thực hiện chủ yếu là kiêm nhiệm. Trình độ chuyên môn cán bộ cấp tỉnh, xã chủ yếu từ đại học trở lên, tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị xã, phường bố trí công chức tham mưu về lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa bảo đảm quy định (không có chuyên môn về lĩnh vực môi trường).

2. Nguồn lực tài chính

UBND tỉnh đã thực hiện: phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2025 tiếp tục thực hiện 13 dự án với tổng vốn 187,837 tỷ đồng[13]. Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, trong đó đã tổng hợp danh mục đối với 04 dự án (công trình) liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường với tổng kinh phí 2.848,706 tỷ đồng vốn ODA, vốn ngân sách nhà nước; bố trí 322,5 tỷ đồng cho 03 dự án thuộc lĩnh vực môi trường gồm: (1) Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh:

[13] Kè bờ phải sông Kỳ Cùng, thành phố Lạng Sơn, đoạn từ trường TPT Chu Văn An đến Cầu 17/10: 60.465 triệu đồng (Năm 2025: 10.464 triệu đồng); Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn – Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn 283.663 triệu đồng (Hợp phần 1: Hệ thống giao thông liên kết vùng; Hợp phần 2: Cấp nước sinh hoạt và sản xuất, Hợp phần 4: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công): Năm 2025: 40.823 triệu đồng; Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn: 190.380 triệu đồng: Năm 2025: 1.000 triệu đồng; Sửa chữa hệ thống hồ chứa trên địa bàn tỉnh: 205.000 triệu đồng: Năm 2025: 100 triệu đồng; Nâng cao năng lực thích ứng biến đổi khí hậu cho hạ tầng, cải thiện môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn (vốn vay AFD) 1.442.000 triệu đồng, năm 2025: 300 triệu đồng; Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc 12.500 triệu đồng (Năm 2025: 30 triệu đồng); Mở rộng NC Bãi xử lý rác thải Tân Lang 30.000 triệu đồng (Năm 2025: 2.500 triệu đồng); Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình: 28.239 triệu đồng (Năm 2025: 28.239 triệu đồng); Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc, huyện Văn Lãng, Văn Quan (151.291 triệu đồng: Năm 2025: 58.381 triệu đồng); Cấp nước thị trấn Đình Lập 48.222 triệu đồng, năm 2025: 15.000 triệu đồng; Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cao Lan 13.960 triệu đồng (11.000 triệu đồng); Sữa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khuổi Chủ, xã Thanh Long, huyện Cao Lộc: 14.000 triệu đồng: Năm 2025: 9.000 triệu đồng; Sửa chữa, nâng cấp hồ Khua Hao, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định: 25.055 triệu đồng, năm 2025: 11.000 triệu đồng.

210 tỷ; (2) dự án Đầu tư xây dựng các bãi xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh: 100 tỷ; (3) dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm Công nghiệp địa phương số 2 là 12,5 tỷ đồng; bố trí 03 tỷ đồng để thực hiện quyết toán cho 01 dự án Bãi xử lý rác thải huyện Đình Lập.

Bố trí kinh phí liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường với tổng kinh phí 141.905 triệu đồng, bao gồm: Ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế: 46 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp môi trường 132.160 triệu đồng; các nội dung khác liên quan góp phần thực hiện nhiệm vụ liên quan đến biến đổi khí hậu (Kinh phí xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước: 276 triệu đồng; Kinh phí mua sắm vật tư tiêu hao, linh phụ kiện và lắp đặt bổ sung các thiết bị đo thông số quan trắc còn thiếu của 04 trạm quan trắc môi trường tỉnh Lạng Sơn (còn thiếu): 425 triệu đồng; Kinh phí Xây dựng mạng lưới điểm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2026 - 2030: 475 triệu đồng; Kinh phí thay thế thiết bị linh phụ kiện, vật tư tiêu hao; kiểm định, hiệu chuẩn của 04 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục năm 2025: 2.400 triệu đồng; Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát cảnh báo thông tin hồ chứa thủy lợi, tích hợp với cơ sở dữ liệu công trình, hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh: 5.000 triệu đồng; Chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh: 947 triệu đồng; Dịch vụ quản lý, vận hành Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường: 176 triệu đồng).

Bổ sung cho Sở Xây dựng kinh phí thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước với tổng kinh phí là 16.693 triệu đồng; bổ sung cho xã Thất Khê, Bắc Sơn kinh phí sự nghiệp môi trường là 8.460 triệu đồng; bổ sung cho xã Văn Lãng kinh phí quản lý, vận hành Hệ thống xử lý nước rỉ rác giai đoạn 2, Bãi rác thải Tân Lang là 9.737 triệu đồng.

VII. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường trong danh mục các chỉ tiêu thống kê của Luật Thống kê: *chi tiết số liệu tại Phụ lục gửi kèm theo Báo cáo này.*

2. Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện của năm 2025, sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, tỉnh Lạng Sơn sẽ triển khai thực hiện và có báo cáo riêng đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

3. Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương theo hướng dẫn về đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa có hướng dẫn thực hiện của năm 2025, sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, tỉnh Lạng Sơn sẽ triển khai thực hiện và có báo cáo riêng đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường. Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của người dân đã được nâng lên rõ rệt. Năng lực cảnh báo và giám sát môi trường trên địa bàn tỉnh được tăng cường thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động giúp cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát liên tục, tự động 24/24, cho phép giám sát liên tục, tự động, chính xác các thông số ô nhiễm, giúp cơ quan quản lý nhà nước phát hiện sớm các sự cố xả thải vượt quy chuẩn cho phép của các đơn vị từ đó hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường. Các mục tiêu, nhiệm vụ, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được chỉ đạo thực hiện lồng ghép, gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã dần đi vào nề nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện nếp sống văn hóa gắn với bảo vệ môi trường trong sản xuất và sinh hoạt, xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư. Định hướng phát triển cơ bản thực hiện được mục tiêu bảo đảm sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

2. Tồn tại, hạn chế

- Chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng gia tăng, rác thải phát sinh ngày càng nhiều, trên địa bàn tỉnh chưa có Nhà đầu tư nhà máy phân loại, tái chế chất thải rắn sinh hoạt; chưa có đơn vị thực hiện chức năng dịch vụ về xử lý chất thải nguy hại.

- Công tác phân loại rác thải tại nguồn đã được triển khai bước đầu, song vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập do thiếu trang thiết bị, phương tiện; chưa xây dựng được định mức kinh tế - kỹ thuật và giá thu gom, vận chuyển và xử lý phù hợp với tình hình thực tế; ý thức chấp hành của một bộ phận nhân dân còn hạn chế.

- Trên địa bàn tỉnh mới được đầu tư 02 Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại thành phố Lạng Sơn (cũ) và tại thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập (cũ); tại hầu hết các xã/phường hiện nay chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung; hạ tầng thu gom, thoát nước chưa đồng bộ.

- Việc thực hiện quan trắc chất lượng môi trường trong chương trình quan trắc môi trường hàng năm hiện nay mới thực hiện với tần suất 02 lần/năm, với một số thông số quan trắc cơ bản; tuy nhiên theo quy định tần suất phải thực hiện tối thiểu (04 đợt/năm hoặc 6 đợt/năm...), với rất nhiều thông số theo quy chuẩn hiện hành, do vậy việc xây dựng chương trình quan trắc chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Trên địa bàn tỉnh chưa có bãi đổ thải chất thải rắn xây dựng, gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Ý thức của một số người dân, doanh nghiệp về công tác bảo vệ môi trường chưa cao.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Do đặc thù Lạng Sơn là một tỉnh miền núi điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý chất thải rất lớn trong khi nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn chế.

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, nguồn lực tập trung cho máy móc, thiết bị sản xuất, việc đầu tư công nghệ xử lý chất thải còn hạn chế, trong khi kinh phí dành cho hoạt động bảo vệ môi trường là khá lớn.

- Một số văn bản ban hành về công tác bảo vệ môi trường thường xuyên có sự thay đổi, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận, áp dụng.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Số lượng công chức làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp còn ít; một số xã, phường, cán bộ mới được phân công, tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực môi trường, chưa được đào tạo về lĩnh vực môi trường và phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ tại địa phương; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên; trong khi kinh tế ngày càng phát triển đa ngành nghề theo đó gia tăng các loại chất thải cả về chủng loại, số lượng... lĩnh vực môi trường rộng liên quan đến nhiều ngành, nghề khác nhau và có chiều hướng ngày càng phức tạp (các dự án đầu tư với công nghệ, loại hình hoạt động ngày càng đa dạng, phức tạp) nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

- Một số đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vẫn chưa thực sự chú trọng đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

IX. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ và các tầng lớp Nhân dân về ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, kiện toàn đội ngũ cán bộ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu trong công tác bảo vệ môi trường, đưa công tác bảo vệ môi trường thực sự trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên.

3. Xây dựng, ban hành kịp thời, đầy đủ, đồng bộ cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện, tình hình của tỉnh theo hướng vừa đảm bảo cụ thể hoá các văn bản của Trung ương, vừa kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục cập nhật, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các chính sách, quy hoạch (công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo phù hợp cho mục đích sản xuất, kinh doanh, để thu hút đầu tư...) hướng

đến quan tâm ứng xử hài hòa với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, phù hợp với thực tiễn hiện nay.

4. Tăng cường xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường.

5. Nâng cao chất lượng thẩm định về môi trường đối với các dự án đầu tư, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghệ sạch vào các khu, cụm công nghiệp. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

6. Tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quan trắc, giám sát môi trường để phát hiện kịp thời các điểm ô nhiễm môi trường, có phương án khắc phục, xử lý.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải. Từng bước kiên quyết chấm dứt tình trạng đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, các sông, suối, ao hồ. Ưu tiên các biện pháp tái chế, tái sử dụng, từng bước hạn chế chôn lấp rác. Xây dựng Đề án xây dựng các bãi xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh .

(Gửi kèm theo Báo cáo các Phụ lục số liệu).

Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Cục Môi trường - BNNMT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn